ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 0270/KH-UBND	*Cà Mau, ngày 30 tháng 12 năm 2025*

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 17/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 24/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 06-KH-TU ngày 24/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 24/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 0182/KH-UBND ngày 10/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 17/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 – 2030 theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương đối với Chương trình trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân trên địa bàn tỉnh đối với việc thực hiện các nội dung của Chương trình.

Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình là căn cứ để các sở, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Cà Mau xây dựng kế hoạch cụ thể, xác định nhiệm vụ trọng tâm, huy động, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra đến năm 2030.

2. Yêu cầu

Xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các ngành trong việc thực hiện Chương trình. Kế hoạch đảm bảo toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm; việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ giải pháp đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, thiết thực, đúng quy định của pháp luật và tránh lãng phí.

Tổ chức quán triệt các nội dung phù hợp với từng đối tượng, thành phần nhằm giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân nắm vững, hiểu rõ những nội dung cơ bản của Chương trình. Việc tổ chức quán triệt thực hiện nội dung Chương trình phải nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức và đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng, phù hợp với điều kiện, khả năng, nguồn lực thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

Luôn đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong chỉ đạo, quản lý và sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương; thường xuyên kiểm tra, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững, gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu; phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, bảo đảm bình đẳng giới và an sinh xã hội.

Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn, sinh thái gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp để nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống và thu hẹp sự chênh lệch phát triển giữa các địa phương trong tỉnh.

Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc thiểu số; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, nhất là các vùng chiến lược, hải đảo.

2. Các mục tiêu cụ thể đến năm 2030

(1) Phấn đấu tăng thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020, tăng thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh bằng 1/2 bình quân chung của tỉnh.

(2) Phấn đấu tỷ lệ nghèo đa chiều của tỉnh (*theo chuẩn nghèo giai đoạn 2026 - 2030*) duy trì mức giảm 1% - 1,5%/năm, giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh xuống dưới 10%.

(3) Phấn đấu vùng đồng bào dân tộc thiểu số cơ bản không còn xã, ấp đặc biệt khó khăn.

(4) Phấn đấu có khoảng 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có khoảng 10% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi: Chương trình thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh; ưu tiên các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, an toàn khu, hải đảo.

2. Đối tượng thụ hưởng: Các xã, ấp, người dân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và các tổ chức khác có liên quan trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, an toàn khu, hải đảo.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến hết năm 2030.

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện quy hoạch theo quy định bảo đảm đồng bộ, phù hợp, phát huy lợi thế vùng, miền và phát triển bền vững

Rà soát, lập, phê duyệt quy hoạch chung xã theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của xã; quy hoạch cấp tỉnh theo quy định. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn theo pháp luật về kiến trúc.

Thực hiện xây dựng, quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên nền tảng công nghệ ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (*GIS hóa*) để cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch và được cung cấp, chia sẻ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu

Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông *(bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông)* phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, ấp; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên ấp theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với thực tế của địa phương và bảo đảm kết nối hiệu quả.

Phát triển thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại, khép kín, linh hoạt, phù hợp với thực tế của địa phương; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai cấp xã nhằm chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, khắc phục hậu quả thiên tai có hiệu quả thông qua xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, trang bị thiết bị thiết yếu, tổ chức lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai và tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là tại các xã nghèo, xã ven biển, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có nguy cơ rủi ro cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.

Đầu tư, cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn phục vụ dân sinh và sản xuất theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan. Khuyến khích phát triển nguồn năng lượng tái tạo phù hợp điều kiện với thực tế của địa phương, hướng tới hạ tầng điện thông minh và phát triển bền vững.

Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở đạt chuẩn, phù hợp

với đặc trưng văn hóa của địa phương và điều kiện sinh hoạt của người dân nông thôn; tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn nông thôn theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa, đáp ứng yêu cầu học tập cơ bản.

Đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị cho y tế cơ sở, tập trung; từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; phát triển các mô hình chợ đáp ứng các tiêu chí đảm bảo an toàn thực phẩm cấp xã; thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử; khuyến khích phát triển hệ thống dịch vụ logistics gắn với vùng sản xuất hàng hóa.

Phát triển cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu tập trung, cụm sơ chế, chế biến, giao thông nội đồng, kho bãi… từng bước hiện đại, đồng bộ với quy hoạch sản xuất; đầu tư, nâng cấp hạ tầng làng nghề phù hợp với quy mô sản xuất của địa phương. Phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông trên địa bàn nông thôn; duy trì điểm phục vụ bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số.

Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã *(bao gồm cả đầu tư, xây dựng, cải tạo trạm chuyển tiếp phát thanh thanh xã)* để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân; hiện đại hóa hệ thống thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại về thành tựu của Đảng và Nhà nước, các cấp chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đối với vùng nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Phát triển hệ thống cấp nước sạch tập trung, nhỏ lẻ tại các xã hoặc liên xã phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, bảo đảm hoạt động hiệu quả, bền vững, trong đó tập trung, ưu tiên đầu tư tại các xã nghèo; khu vực biên giới; vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước; khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước; vùng đồng bào dân tộc thiểu số; khu vực bãi ngang, ven biển và hải đảo. Hỗ trợ cấp nước sinh hoạt phân tán đạt quy chuẩn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Phát triển hệ thống và hạ tầng kỹ thuật thu gom, xử lý nước thải; thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn; khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp, đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường. Đầu tư, hoàn thiện hệ thống thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn, nước thải hộ gia đình và cụm dân cư ứng dụng công nghệ phù hợp, thân thiện môi trường. Phát triển hạ tầng thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong thu gom, xử lý, tái chế chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp.

Thực hiện bố trí ổn định dân cư *(tập trung, xen ghép và ổn định tại chỗ)* theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước tại các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng *(theo danh mục dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt)*. Hỗ trợ cải thiện nhà ở dân cư nông thôn theo hướng an toàn, kiên cố, thích ứng biến đổi khí hậu; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đối tượng chính sách, các hộ dân sống tại các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.

Quản lý vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng; từng bước hình thành mô hình quản lý, vận hành, khai thác và cung cấp dịch vụ hạ tầng phù hợp.

3. Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và thích ứng với thị trường

Tập trung cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế xã hội và thích ứng với thị trường. Tập trung, ưu tiên áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp giảm phát thải, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, bảo vệ tài nguyên; khuyến khích thực hành sản xuất tốt *(VietGAP, GlobalGAP)*, sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn và truy xuất nguồn gốc.

Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, liên kết sản xuất và tiêu thụ với doanh nghiệp.

Hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn và bảo đảm an toàn dịch bệnh; phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, liên kết chuỗi giá trị, chế biến sâu và tiêu thụ bền vững. Ứng dụng cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ, công nghệ cao, công nghệ số trong sản xuất, quản lý vùng trồng và xây dựng cơ sở dữ liệu vùng nguyên liệu. Triển khai áp dụng mã số vùng trồng, mã số vùng nuôi đối với mọi loại cây trồng, vật nuôi; ứng dụng công nghệ số trong quản lý vùng trồng, vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc đối với lương thực thực phẩm.

Phát triển sản phẩm OCOP theo Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo hướng chất lượng, đặc trưng, đa giá trị, thân thiện với môi trường, gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong chế biến, khai thác tiềm năng, lợi thế và giá trị văn hóa địa phương; xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và thúc đẩy sản phẩm OCOP.

Phát triển ngành nghề nông thôn, tham gia liên kết chuỗi sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu; bảo tồn và phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống theo hướng bền vững; chuyển đổi số, xây dựng bản đồ số làng nghề; hàng năm tham gia hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ, Festival làng nghề.

Phát triển du lịch nông thôn theo hướng cộng đồng, sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp gắn với bảo tồn thiên nhiên và văn hóa bản địa. Ưu tiên xây dựng, phát triển các mô hình du lịch nông thôn đặc trưng, du lịch xanh, tạo sinh kế bền vững những xã có điều kiện phát triển du lịch.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản tại thị trường trong nước và xuất khẩu; đa dạng hoá hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ bảo đảm bền vững, trong đó ưu tiên phát triển thương mại điện tử. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong thương mại, dịch vụ nông thôn; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn.

Phát triển hệ thống sơ chế, chế biến nông sản theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung và chuỗi ngành hàng; nâng cao khả năng bảo quản, chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm và tăng giá trị gia tăng. Tập trung, ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật, kho bãi, trung tâm sơ chế, chế biến tại các vùng nguyên liệu tập

trung, vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Phát triển mạng lưới khuyến nông cộng đồng gắn với nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh nông nghiệp để giảm nghèo, phù hợp với điều kiện sinh thái, văn hóa và trình độ phát triển của từng địa phương, đặc biệt tại các xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; gắn với ứng dụng khoa học - công nghệ, kinh tế số, kinh tế xanh và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; bảo đảm kết nối thị trường; thí điểm cơ chế tín dụng vi mô, bảo hiểm nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và duy trì bền vững.

4. Đào tạo nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững

Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp để hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tri thức, tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu về xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung, ưu tiên cho lao động trên địa bàn các xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập tham gia đào tạo nghề theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa để đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề tại chỗ, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số . Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số , lao động nông thôn, lao động nghèo khu vực đô thị.

Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ, nhất là khu vực nông thôn, kết nối theo địa bàn cấp tỉnh, vùng và toàn quốc. Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh. Hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững tại khu vực nông thôn. Tập trung, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số ; người khuyết tật, lao động nữ, người cao tuổi. Hỗ trợ người lao động cư trú trên địa bàn các xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

5. Phát triển toàn diện văn hóa, giáo dục, y tế, thúc đẩy bình đẳng giới

Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa cộng đồng gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống vật thể và phi vật thể.

Bảo đảm tiếp cận giáo dục công bằng, toàn diện và học tập suốt đời cho lao động nông thôn; duy trì, nâng cao phổ cập giáo dục, giáo dục hòa nhập; phát triển lớp học thông minh, mô hình học tập cộng đồng; ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và nền tảng học trực tuyến để mở rộng cơ hội học tập suốt đời, trong đó, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, phụ nữ, trẻ em gái, người khuyết tật và người dân sinh sống tại các xã nghèo. Tăng cường liên kết cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, hợp tác xã và thị trường lao động để thúc đẩy việc làm và khởi nghiệp cho lao động nông thôn.

Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ y tế cơ sở bảo đảm chăm sóc sức khỏe toàn dân; nâng cao chất lượng dân số; bảo đảm hiệu quả phòng chống bệnh

lây nhiễm, truyền nhiễm. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Mở rộng độ bao phủ và chất lượng dịch vụ bảo hiểm y tế, hướng tới thực hiện bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân.

Chăm sóc và cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ, trẻ em và người cao tuổi; hỗ trợ cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em sinh sống trên địa bàn xã nghèo. Bảo vệ, chăm sóc, phát triển cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; trẻ em là nạn nhân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, trẻ em bị xâm hại cần được hỗ trợ khẩn cấp.

Tăng cường bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn; ưu tiên đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý, giám sát an toàn thực phẩm. Tăng cường thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng chính sách, chương trình về giảm nghèo, an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới. Thúc đẩy bình đẳng giới trong xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Tăng cường vai trò, vị thế của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý và phát triển cộng đồng; triển khai các chỉ tiêu bình đẳng giới; nâng cao nhận thức về giới trong xây dựng cộng đồng văn minh, tiến bộ.

6. Phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở nông thôn

Triển khai một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số . Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ phục vụ đời sống, phát triển kinh tế nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số ; phát triển và nhân rộng các mô hình *"ấp thông minh"*.

7. Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu

Tăng cường quản lý chất thải rắn, nước thải, chất thải và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ xử lý chất thải hiện đại, thân thiện môi trường, giảm thiểu chôn lấp trực tiếp; phát triển mô hình tiêu dùng xanh, thân thiện môi trường, cộng đồng không rác thải nhựa và kinh tế tuần hoàn quy mô thôn, bản, cụm dân cư, hộ gia đình. Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số nâng cao nhận thức, tiếp cận xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình.

Kiểm soát, xử lý ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm. Gìn giữ, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình ấp sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình "nông nghiệp xanh".

8. Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, tư duy phát triển tích hợp và đổi mới sáng tạo, phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

Triển khai hiệu quả Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; xây dựng "Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc"; tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, đẩy mạnh áp dụng chuyển đổi số. Nâng cao chất lượng giám sát, phản biện xã hội về Chương trình.

Triển khai hiệu quả Phong trào "Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững"; xây dựng các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc "5 tự", "5 cùng". Triển khai hiệu quả Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026-2035"; Đề án "Hỗ trợ HTX do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030". Thực hiện hiệu quả Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an"; vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam. Triển khai hiệu quả chương trình "Hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2026 - 2035"; đề án "Trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới"; thúc đẩy phong trào "Thanh niên nông thôn sản xuất - kinh doanh giỏi".

9. Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng

Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước cho người dân; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở, nhằm nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, xây dựng nếp sống và hành vi ứng xử theo pháp luật trong cộng đồng dân cư nông thôn, giải quyết tốt các mâu thuẫn, tranh chấp ở khu vực nông thôn, tập trung, ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người yếu thế, người dân tại các xã nghèo, người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số . Đánh giá tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp và kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về công tác xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý.

Bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh ngay từ đầu, từ nơi xuất phát và ngay tại cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm "bốn tại chỗ", không để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự; kiềm chế, kéo giảm tội phạm, tai nạn giao thông, cháy, nổ trên địa bàn; nâng cao chất lượng, hiệu quả Phong trào *"Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc"*; xây

dựng, củng cố, nhân rộng các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự theo hướng xã hội hóa với nhiều hình thức tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hòa giải tại cộng đồng, phù hợp với đặc điểm vùng, miền, đặc biệt là các mô hình chuyển đổi số trong bảo đảm an ninh, trật tự khu vực nông thôn.

Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh, toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

10. Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở cáp tỉnh, cấp xã; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

Bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số , đặc biệt là cán bộ cơ sở. Tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tổ chức triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi do Thủ tướng Chính phủ phát động.

11. Các nội dung đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Đầu tư xây dựng mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp và cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông (*bao gồm trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú*), các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên tại các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn, các xã biên giới, an toàn khu, địa bàn chiến lược về an ninh, quốc phòng, những nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Củng cố, tăng cường cơ sở vật chất nhằm tăng cường năng lực thực hiện nhiệm vụ của các trường dự bị đại học, các cơ sở giáo dục đại học có nhiều dân tộc thiểu số.

Đầu tư xây dựng, cải tạo trạm chuyển tiếp phát thanh xã, nhà sinh hoạt cộng đồng, thiết chế văn hóa, thể thao vùng đồng bào dân tộc thiểu số ; phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị các công trình kiến trúc tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bảo tồn không gian văn hóa làng, bản, buôn truyền thống của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

Đầu tư xây dựng mới; đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa và mở rộng các

trạm y tế xã, phường bảo đảm đạt chuẩn và hướng tới việc khám chữa bệnh miễn phí toàn dân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và ở những nơi cần thiết. Hỗ trợ đào tạo nhân lực y tế; chuyển giao kỹ thuật về trạm y tế xã; thực hiện bình đẳng giới và giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết.

Đầu tư xây dựng mới, đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình phục vụ học tập, sinh hoạt cho giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên. Đầu tư trang thiết bị hỗ trợ hoạt động giảng dạy, học tập; trang thiết bị phục vụ cho giáo viên, giảng viên và sinh hoạt nội trú của học sinh, sinh viên theo quy định.

Hỗ trợ dân tự ổn định chỗ ở theo hình thức xen ghép cho các đối tượng thụ hưởng là hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo dân tộc Kinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất ở, nhà ở; hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo dân tộc Kinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa có nhà ở; hỗ trợ đất ở, nhà ở cho người dân đến sinh sống, sản xuất, kinh doanh tại vùng biên giới theo quy hoạch; hỗ trợ vay vốn từ Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để có đất ở, xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở.

Đầu tư xây dựng nhà hoả táng cho đồng bào dân tộc thiểu số; quy hoạch, bố trí quỹ đất làm các khu nghĩa địa, nghĩa trang tập trung; các nội dung đầu tư, công trình cơ sở hạ tầng khác theo nhu cầu của địa phương.

Hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh kế trên các lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp, dịch vụ, du lịch, mô hình phát triển kinh tế. Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề cho hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số , trong đó ưu tiên đối tượng tại địa bàn thôn, xã đặc biệt khó khăn làm nông, lâm, ngư nghiệp không có đất sản xuất hoặc thiếu từ 50% đất sản xuất trở lên thì được hỗ trợ giao đất hoặc chuyển đổi nghề. Đẩy mạnh thực hiện liên kết và tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh tự nhiên có trồng rừng bổ sung; hỗ trợ trồng rừng sản xuất và lâm sản ngoài gỗ; hỗ trợ trồng rừng phòng hộ. Trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ và phát triển rừng; xây dựng mô hình phát triển kinh tế lâm nghiệp, cộng đồng, hộ gia đình.

Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý, dược liệu có giá trị kinh tế; hỗ trợ thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn kết với dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng; khuyến khích, hỗ trợ các hộ gia đình, cá nhân làm dịch vụ du lịch. Các hoạt động du lịch phải gắn với việc quảng bá hình ảnh, khôi phục, giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá truyền thống đặc sắc của dân tộc, bảo vệ môi trường.

Bảo tồn, phát huy lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số; tổ chức ngày hội giao lưu, liên hoan các loại hình văn hoá, nghệ thuật truyền thống, hội thi các môn thể thao dân tộc tại địa phương, khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch. Xây dựng chính sách hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa

truyền thống; nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số; tổ chức thực hành, trình diễn về văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số; tổ chức các hoạt động bảo vệ, phát triển tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số".

Tổ chức tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số ; xây dựng điểm đến du lịch tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số ; xây dựng Trung tâm bảo tồn văn hóa và ngôn ngữ dân tộc thiểu số.

Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, tiếng dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng bộ đội, công an nhân dân đóng quân, công tác trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số; biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Hỗ trợ thiết lập, duy trì các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại xã, thôn để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh trật tự; hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số .

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình theo phân cấp ngân sách hiện hành và đồng thời huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị và địa phương xây dựng kế hoạch và lập dự toán kinh phí thực hiện Chương trình gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo (*cơ quan chủ trì quản lý Chương trình*) tổng hợp.

Căn cứ nguồn vốn trung ương bổ sung có mục tiêu, khả năng cân đối ngân sách của địa phương và phương án phân bổ kinh phí của cơ quan chủ trì quản lý Chương trình, Sở Tài chính tham mưu trình cấp thẩm quyền phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo xây dựng Kế hoạch triển khai cụ thể các nội dung có liên quan, để hướng dẫn các địa phương thực hiện; chủ động, tích cực tham gia vào thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình theo phân công; thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình thực hiện Chương trình; tiếp tục thực hiện hiệu quả Cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*" trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm của các Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh

2.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Có trách nhiệm quản lý và giám sát tổng thể về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới *(bao gồm tổng hợp báo cáo tiến độ giải ngân nguồn vốn)* của tất cả các địa phương trên địa bàn tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh có liên quan và địa phương tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành có liên quan và địa phương xây dựng cụ thể hóa nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 trình cấp thẩm quyền ban hành theo quy định. Phối hợp với Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực 15 và các đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai áp dụng thực hiện chính sách tín dụng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn theo đúng quy định, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan và địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới hiện đại thực hiện trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 – 2030.

Tham mưu triển khai các Chương trình chuyên đề có liên quan sau khi được Trung ương phê duyệt, để hỗ trợ thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công nhiệm vụ cụ thể, chỉ đạo tăng cường sự phối hợp của các sở, ngành và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh cùng các đoàn thể chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện Chương trình; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng Kế hoạch triển khai cụ thể các nội dung được phân công, hướng dẫn các địa phương thực hiện.

Tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh triển khai áp dụng thực hiện hệ thống đánh giá giám sát Chương trình sau khi Trung ương ban hành. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2.2. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành có liên quan hướng dẫn các địa phương lồng ghép vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn các xã, ấp đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt theo quy định nguyên tắc lồng ghép vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 – 2030.

Hướng dẫn các cơ quan chức năng có liên quan, các địa phương triển khai các nội dung của Chương trình liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

2.3. Sở Tài chính: Trên cơ sở phương án phân bổ kinh phí của cơ quan chủ trì quản lý Chương trình, Sở Tài chính tham mưu cấp thẩm quyền phân bổ nguồn kinh phí thực hiện Chương trình do ngân sách hỗ trợ.

2.4. Các sở, ngành, đơn vị được phân công chủ trì nội dung thành phần thuộc Chương trình

Xây dựng và đề xuất mục tiêu, chỉ tiêu, kế hoạch vốn cụ thể thực hiện các nội dung thành phần 5 năm và hằng năm gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Tài chính để tổng hợp trong Kế hoạch chung của Chương trình, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giao thực hiện theo quy định.

Ưu tiên lồng ghép các Chương trình, dự án thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao để góp phần thực hiện các nội dung thành phần và các tiêu chí nông thôn mới theo phân công; hướng dẫn các địa phương triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nội dung thành phần được phân công chủ trì; hướng dẫn và chỉ đạo các địa phương thực hiện các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới theo phân công. Xây dựng, ban hành (*hoặc tham mưu cấp thẩm quyền ban hành*) tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, thiết kế mẫu trong đầu tư, quản lý, khai thác công trình cơ sở hạ tầng thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước được phân công.

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần được phân công chủ trì theo quy định. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao.

2.5. Các sở, ngành, đơn vị tham gia thực hiện Chương trình: Có trách nhiệm lồng ghép các Chương trình mục tiêu, dự án của sở, ngành với Chương trình.

2.6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực 15: Kiểm tra, giám sát các ngân hàng thương mại trong việc thực hiện chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn, góp phần thực hiện Chương trình.

2.7. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau

Tập trung huy động nguồn lực, triển khai áp dụng, thực hiện các cơ chế chính sách có liên quan do Trung ương ban hành nhằm thực hiện tốt hơn, hiệu quả hơn tín dụng chính sách xã hội, đặc biệt ưu tiên hỗ trợ các hộ thuộc đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn các xã khó khăn để nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sản xuất và sinh hoạt của người dân, góp phần xây dựng nông thôn mới.

Tham mưu cấp thẩm quyền thực hiện các giải pháp huy động vốn có liên quan thực hiện trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách tỉnh và các văn bản, quy định khác có liên quan.

2.8. Các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh (Báo và Phát thanh Truyền hình Cà Mau, Cổng thông tin điện tử tỉnh): Có trách nhiệm tuyên truyền phục vụ yêu cầu của Chương trình.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh

Xây dựng, ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 5 năm và hằng năm trên địa bàn đồng thời gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan để tổng hợp.

Áp dụng thực hiện các cơ chế, chính sách, hướng dẫn tổ chức triển khai Chương trình và quy định về lồng ghép nguồn vốn từ các Chương trình, dự án khác có cùng nội dung, nhiệm vụ để thực hiện Chương trình trên địa bàn theo quy định, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt. Chủ động cân đối, bố trí thêm nguồn vốn từ ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình, cũng như có giải pháp huy động hiệu quả các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách để đầu tư xây dựng nông thôn mới; khuyến khích cho vay ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để thực hiện các nội dung của Chương trình.

Tăng cường vận động các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp trên địa bàn đăng ký hỗ trợ xã thực hiện xây dựng nông thôn mới; tăng cường vận động, khuyến khích người dân tham gia, đóng góp xây dựng nông thôn mới theo hình thức tự nguyện, không huy động quá sức dân và để phát sinh nợ đọng trong xây dựng cơ bản.

Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã và bộ máy tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo xã theo đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tế. Chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã trên địa bàn phù hợp với kế hoạch xây dựng nông thôn mới tỉnh. Tổ chức triển khai, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn các xã định kỳ, đột xuất theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 – 2030 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc (*nếu có*) các cơ quan, đơn vị và địa phương phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Môi trường nội dung liên quan nông thôn mới, giảm nghèo và Sở Dân tộc và Tôn giáo nội dung liên quan dân tộc thiểu số*). Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để có ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- TT. Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Thành viên Nhóm Kinh tế và VH - XH (PL kèm theo Kế hoạch số 06-KH/TU);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Phòng NN-XD;
- Lưu: VT, NN-XD (Như$_{KH\ 24/13a}$), KP121/12.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lữ Quang Ngời